

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 263/2022/QĐST-VDS

Tp. Cà Mau, ngày 14 tháng 11 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

V/v công nhận thuận tình ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Thị Út

Thư ký phiên họp: Bà Tô Huyền Trang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cà Mau tham gia phiên họp:
Bà Bùi Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 229/2022/TLST-VDS ngày 12 tháng 10 năm 2022 về việc “công nhận thuận tình ly hôn” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 15/2022/QĐST-VDS ngày 02 tháng 11 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh A, sinh năm: 1983 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số 35, thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

- Chị B, sinh năm: 1989 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm A, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu và các lời khai trong quá trình giải quyết, được bổ sung tại phiên họp người yêu cầu trình bày:

- Về hôn nhân: Chị B và anh A chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau vào ngày 23/01/2008 nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu anh chị xác định có hạnh phúc nhưng thời gian sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không còn tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, anh chị đã sống ly thân hơn 14 B nay. Hiện nay, anh chị không còn quan tâm, không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh A và chị B xác định có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 29/8/2008, hiện cháu L đang sống cùng chị B. Khi ly hôn chị B, anh A thống nhất thỏa thuận giao cháu L cho chị B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

Anh A không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Chị B và anh A xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị B và anh A xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh A có đơn xin vắng mặt tất cả các giai đoạn tố tụng của Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau nhận định:

[1] Đối với anh A, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết việc dân sự anh A có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau tiến hành mở phiên họp giải quyết việc dân sự vắng mặt anh A.

[2] Về hôn nhân: Chị B và anh A chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau vào ngày 23/01/2008 nên hôn nhân của anh chị hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống thời gian đầu anh chị xác định có hạnh phúc nhưng thời gian sau vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không còn tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, anh chị đã sống ly thân hơn 14 năm nay. Hiện nay, anh chị không còn quan tâm, không còn tình cảm với nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh chị được thuận tình ly hôn. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự và phù hợp pháp luật nên Tòa án chấp nhận cho anh, chị được thuận tình ly hôn.

[3] Về con chung: Anh A và chị B xác định có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 29/8/2008, hiện cháu L đang sống cùng chị B. Khi ly hôn chị B, anh A thống nhất thỏa thuận giao cháu L cho chị B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của các đương sự và phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Anh A không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị B và anh A xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị B và anh A xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị B và anh A mỗi người phải nộp số tiền 150.000 đồng. Chị B, anh A đã dự nộp 300.000 đồng tại lai số 0002147 vào ngày 12/10/2022 chị B, anh A đã nộp đủ.

[7] Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký phiên họp và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết việc dân sự:

Về thủ tục tố tụng: Kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm mở phiên họp là đúng quy định của pháp luật, không vi phạm.

Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của chị B và anh A; Về lệ phí người yêu cầu nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 367, 371, 396, 397 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 36 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

-Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị B và anh A.

-Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc L, sinh ngày 29/8/2008, hiện đang sống chung với chị B cho chị B tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con.

Anh A không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở.

-Về tài sản chung: Chị B và anh A xác định không có.

-Về nợ chung: Chị B và anh A xác định không có.

Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị B và anh A mỗi người phải nộp số tiền 150.000 đồng. Vào ngày 12/10/2022, chị B, anh A đã nộp số tiền tạm ứng lệ phí là 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai số 0002147 được đối trừ chuyển thu, nộp ngân sách nhà nước.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TPC;
- Người yêu cầu giải quyết VDS;
- Chi cục THA DS TPCM;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Trần Thị Út

